TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G V** **TỈNH N B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/ 2021/ HS-ST
Ngày: 29/ 6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G V, TỈNH N B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lã Hoàng G.
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Hà Xuân N;
- Ông Hoàng Quốc T.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị H - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện G V, tỉnh N B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G V tham gia phiên toà: ông Trần Hồng M - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G V, tỉnh N B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/ 2021/TLST-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo:

1.1. Họ và tên: **Trần Văn Đ**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1977; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Quý V và bà Trần Thị L; Vợ: Trần Thị D; Có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" cho đến nay. (*có mặt*).

1.2. Họ và tên: **Trần Quốc Ph**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1980; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình Tr và bà Trần Thị Th; Vợ: Đinh Thu H; Có 04 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" cho đến nay. (*có mặt*).

1.3. Họ và tên: **Nguyễn Tòng L**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1988; Nơi sinh: xã G T, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Thuận Phong, xã G T, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tòng L và bà Nguyễn Thị Ng; Vợ: Trần Thị L; Chưa có con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân Thân: Ngày 22/3/2013 bị Tòa án nhân dân huyện G V xử phạt 15.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo bản án số 20. Chấp hành xong ngày 21/02/2017; Ngày 14/7/2014 bị Công an huyện G V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 700.000 đồng về hành vi "Gây mất trật tự công cộng". Chấp hành xong ngày 15/7/2014; Ngày 22/12/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh N B xử phạt 24 tháng tù về tội "Đánh bạc" theo bản án số 31. Chấp hành xong ngày 31/8/2018.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" kể từ ngày 14/01/2021 cho đến nay. (*có mặt*)

1.4. Họ và tên: **Trần Văn M**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1974; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Bắc Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Thuyền chài; Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn V và bà Trần Thị N (đã chết); Vợ: Trần Thị L; Có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/10/1993 bị Tòa án nhân dân huyện G V, tỉnh N B xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản công dân".

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" cho đến nay. (*có mặt*).

1.5. Họ và tên: **Trần Đức V**, (tên gọi khác: Trần Văn V) sinh ngày 01/01/1961; Nơi sinh: N B; Trú tại: thôn Bắc Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Lái tàu thủy; Trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K (đã chết) và bà Trần Thị Nh; Vợ: Trần Thị Th; Có 04 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/5/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 24/HSPT. Chấp hành xong ngày 29/7/2004; Ngày 04/10/2019 bị Công an huyện G V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc". Chấp hành xong ngày 09/10/2019.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" kể từ ngày 14/01/2021 cho đến nay.(*có mặt*).

1.6. Họ và tên: **Trần Văn Th**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1978; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Bắc Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Trần Thị S; Vợ: Trần Thị H; Có 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" cho đến nay. (*có mặt*).

1.7. Họ và tên: **Trần Văn Đ2**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1986; Nơi sinh: N B; Trú tại: thôn Bắc Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Thuyền chài; Trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B và bà Trần Thị L (đã chết); Vợ: Bùi Thị S; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, Tiền sự:

Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 14/01/2021 cho đến nay. (*có mặt*).

1.8. Họ và tên: **Trần Văn D**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1975; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải đường sông; Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Nguyễn Thị S; Có 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" cho đến nay. (*có mặt*).

1.9. Họ và tên: **Trần Thị V**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1979; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị A; Chồng: Trần Văn V; Có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" kể từ ngày 14/01/2021 cho đến nay.(*có mặt*).

1.10. Họ và tên: **Trần Văn B**, (tên gọi khác: không) sinh năm 1981; Nơi sinh: xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Trú tại: thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B; Nghề nghiệp: Thuyền chài; Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Th Huynh và bà Trần Thị L; Vợ: Trần Thị S; Có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị can bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/01/2021 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" cho đến nay.(*có mặt*).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Trần Thị Lý, sinh năm: 1955. Trú tại: thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B. (*có đơn xin vắng mặt*)

3. Người làm chứng: Anh Đào Anh V; anh Trần Văn C; chị Trần Thị D; anh Trần Văn Y và anh Trần Văn Tr. *(đều vắng mặt*)

4. Người chứng kiến: Ông Trần Xuân Kh. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 08/01/2021, sau khi ăn cơm, uống rượu tại nhà Trần Văn B ở thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V, Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph và Trần Văn Đ2 ngồi uống nước tại Ph khách gia đình B. Trong lúc ngồi uống nước, Ph nói với Đ và Đ2: "*Anh em có đi chơi tý không*" – ý Ph rủ mọi người đi hát Karaoke. Đ nghĩ là Ph rủ mọi người đánh bạc nên đi vào gian bếp gia đình nhà B lấy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ rồi lấy 01 chiếc kéo sắt cắt 04 quân vị hình tròn, đường kính 2cm

từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, sau đó ngồi xuống chiếu nan tre trải sẵn dưới nền nhà. Ph và Đ2 thấy vậy hiểu ý Đ rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức đánh "Xóc đĩa" được, thua bằng tiền nên ngồi xuống chiếu đánh bạc cùng với Đ, mức thắng thua mỗi ván thấp nhất là 50.000 đồng, không quy định mức cao nhất. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Văn D đi đến nhà B chơi, thấy Đ, Đ2 và Ph đang đánh bạc nên D xin Đ số tiền 200.000 đồng và ngồi tham gia đánh bạc cùng. Sau đó, lần lượt có thêm Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V và Trần Thị V đến và cùng tham gia đánh bạc với Đ, Ph, Đ2 và D. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Đức V và Trần Văn Đ2 thua hết tiền nên đi về trước. Lúc này, Trần Văn B đang đứng ngoài sân và hỏi vay bà Trần Thị Lý, sinh năm 1956 (*là mẹ đẻ của B*) số tiền 200.000 đồng, sau đó B đi vào nhà ngồi tham gia đánh bạc cùng với Đ, Ph, D, M, Th, L và V. Trong quá trình đánh bạc, B thắng bạc nên đã lấy số tiền 200.000 đồng thắng bạc trả cho bà Lý. Một lúc sau, Trần Thị V thua hết tiền nên đi về. Đến khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, khi Đ, Ph, D, M, B, Th và L đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G V phối hợp với Công an xã G Tr phát hiện bắt quả tang. Khi thấy lực lượng công an, Trần Văn M nhặt số tiền 2.000.000 đồng các đối tượng đang sử dụng đánh bạc trên chiếu cất vào túi quần, Trần Văn Th và Nguyễn Tòng L bỏ chạy ra lối cửa sau nhà B. Công an đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.100.000 đồng, 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn đường kính 02cm, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị cắt dở, 01 kéo sắt, 01 chiếu nan tre và 01 thảm vải.

Thu giữ trên người của Trần Văn Đ số tiền 230.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc; Trần Văn M số tiền 3.500.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen; Trần Văn B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen và Trần Quốc Ph 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu bạc. Trần Văn B tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng là tiền mà B sử dụng vào việc đánh bạc.

Ngày 09/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G V đã triệu tập làm việc đối với Trần Thị V và Trần Đức V. Ngày 10/01/2021, 11/01/2021 và 12/01/2021, lần lượt Trần Văn Đ2, Trần Văn Th và Nguyễn Tòng L đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện G V đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình cùng đồng phạm nêu trên.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định: Tổng số tiền các đối tượng Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Thị V, Trần Đức V, Trần Văn Đ2 và Trần Văn B sử dụng vào mục đích đánh bạc là **12.530.000** đồng.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-GV ngày 02/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G V đã truy tố Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Thị V và Trần Văn B ra

trước Tòa án nhân dân huyện G V để xét xử về tội "**Đánh bạc"** theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Thị V và Trần Văn B phạm tội "**Đánh bạc**".

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tòng L từ 24 tháng đến 27 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án tính từ ngày UBND xã G T nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng để sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã G T và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo L từ 12.000.000 đồng – 15.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 06 ngày tạm giữ, quy đổi thành 18 ngày Cải tạo không giam giữ). Thời gian chấp hành án tính từ ngày UBND xã G Tr nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo M để sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã G Tr và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo M từ 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Đức V từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành án tính từ ngày UBND xã G Tr nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho UBND xã G Tr và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Không khấu trừ thu nhập và không phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Đức V do bị cáo là người khuyết tật vận động mức độ nặng đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn Th, Trần Thị V và Trần Văn B (Riêng bị cáo Đ2 và bị cáo Th được áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự):

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 25.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc Ph từ 25.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Trần Văn D, Trần Thị V và Trần Văn B mỗi bị cáo từ 24.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Trần Văn Đ2, Trần Văn Th mỗi bị cáo từ 23.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 12.530.000 đồng (*gồm: 10.100.000 đồng thu trên chiếu bạc; 230.000 đồng thu trong người Trần Văn Đ; 2.000.000 đồng thu trong người Trần Văn M và 200.000 đồng mà Trần Văn B tự nguyện giao nộp*) là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn đường kính 02cm, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị cắt dở, 01 kéo sắt, 01 chiếu nan tre và 01 thảm vải là các công cụ sử dụng vào việc đánh bạc.

- Trả lại cho Trần Văn M số tiền 1.500.000 đồng là số tiền hợp pháp của M, không sử dụng vào việc đánh bạc, tuy nhiên cần tiếp tục quản lý để Đ2 bảo thi hành án.

- Trả lại cho Trần Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc; cho Trần Văn M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen; cho Trần Văn B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen và cho Trần Quốc Ph 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu bạc là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không sử dụng vào việc đánh bạc, tuy nhiên cần tiếp tục quản lý để Đ2 bảo thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Thị V và Trần Văn B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo ***Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Thị V và Trần Văn B*** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung

bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp lời khai người làm chứng, người chứng kiến và phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 00 ngày 08/01/2021, tại nhà của Trần Văn B ở thôn Nam Điềm Khê, xã G Tr, huyện G V; Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh "*xóc đĩa*" được, thua bằng tiền, đến khoảng 14h30 Trần Văn D vào tham gia đánh bạc, sau đó lần lượt có thêm Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V và Trần Thị V đến tham gia đánh bạc. Đến khoảng 16h30 Trần Đức V, Trần Văn Đ2 thua hết tiền, đi về không chơi tiếp thì Trần Văn B vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 50 cùng ngày khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G V phối hợp với Công an xã G Tr phát hiện bắt quả tang với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là **12.530.000** đồng.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 321. Tội đánh bạc

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Các bị cáo không cùng một lúc thực hiện hành vi đánh bạc, do vậy hành vi nêu trên của các bị cáo ***Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Thị V và Trần Văn B*** đã phạm tội "**Đánh bạc**", được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G V, tỉnh N B đã truy tố các bị cáo nêu trên về tội đánh bạc với số tiền 12.530.000 đồng là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Từ việc đánh bạc dẫn đến tiêu tán tài sản, kinh tế của nhiều gia đình, cá nhân và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ đánh bạc dưới hình thức chơi sóc đĩa được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc bị Nhà nước cấm, nhưng vì lười lao động, muốn kiếm tiền nhanh chóng nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Để Đ2 bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và Ph ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không có

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn Th, Trần Thị V và Trần Văn B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Đức V là người khuyết tật vận động mức độ nặng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội là người khuyết tật nặng*" quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự ; Các bị cáo Trần Văn Đ2, Trần Văn Th và Nguyễn Tòng L đã đến cơ quan điều tra đầu thú nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về nhân thân*: Bị cáo Nguyễn Tòng L, Trần Văn M, Trần Đức V từng bị kết án, nhưng đã được đương nhiên xóa án tích, nên được coi như chưa bị kết án theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Tòng L, Trần Đức V từng bị xử phạt vi phạm hành chính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên một năm, nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph là người chủ động rủ rê và chuẩn bị công cụ phương tiện cùng các bị cáo đánh bạc, do vậy Bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph giữ vai trò đầu trong vụ án. Đối với các bị cáo Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Văn M, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn Th, Trần Thị V và Trần Văn B đều là đồng phạm, thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy các bị cáo này lần lượt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

[6] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn Th, Trần Thị V và Trần Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, tuy ít nghiêm khắc hơn nhưng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo này, cũng đủ có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Trần Quốc Ph là người rủ rê khởi xướng và chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội nên cần chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo nêu trên.

Đối với các bị cáo Nguyễn Tòng L, Trần Văn M, Trần Đức V, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác là hình phạt cải tạo không

giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp cùng gia đình để giám sát, giáo dục cũng Đ2 bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội; Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Nguyễn Tòng L, bị cáo Trần Văn M. Theo Biên bản xác minh ngày 29/01/2021 tại UBND xã G T, huyện G V, tỉnh N B, mức thu nhập bình quân đầu người tại xã G T là 4.500.000 đồng/tháng do vậy mức khấu trừ thu nhập 10% đối với Nguyễn Tòng L tương ứng là 450.000 đồng/tháng; Theo biên bản xác minh ngày 14/ 4/ 2021 tại UBND xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B, mức thu nhập bình quân đầu người tại xã G Tr là 3.400.000đ/tháng do vậy mức khấu trừ thu nhập 10% đối với Trần Văn M tương ứng là 340.000 đồng/tháng; Bị cáo Trần Văn M bị tạm giữ 06 ngày nên được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (cứ 1 ngày tạm giữ bằng 3 ngày cải tạo không giam giữ) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Tòng L, Trần Văn M theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[8]. Bị cáo Trần Đức V là người khuyết tật nặng, đang được hưởng trợ cấp do vậy không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Trần Đức V, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[9]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn đường kính 02cm cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị cắt dở, 01 kéo sắt, 01 chiếu nan tre và 01 chiếc thảm vải là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc *(thu của Đ*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01, màu đen (*thu của M*); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen (*thu của B*) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc (*thu của Ph*) là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để Đ2 bảo thi hành án.

Đối với số tiền 12.530.000 đồng (*gồm: 10.100.000 đồng thu trên chiếu bạc; 230.000 đồng thu trong người Trần Văn Đ; 2.000.000 đồng thu trong người M và 200.000 đồng mà Trần Văn B tự nguyện giao nộp*) là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu trên người Trần Văn M là tiền mà M lao động mà có, không sử dụng vào việc đánh bạc do vậy trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để Đ2 bảo thi hành án.

Đối với việc bà Trần Thị Lý cho bị cáo Trần Văn B vay 200.000 đồng, quá trình điều tra xác định số tiền trên là tài sản hợp pháp của bà Lý, bà Lý không biết việc B vay tiền để đánh bạc, bị cáo B đã trả lại cho bà Lý 200.000 đồng, bà Lý không có yêu cầu đề nghị gì do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Trần Đức V là người cao tuổi và là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo ***Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Đức V, Trần Thị V và Trần Văn B*** phạm tội "***Đánh Bạc***"

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tòng L 27 (*hai mươi bẩy*) tháng** Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G T, huyện G V, tỉnh N B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập của Nguyễn Tòng L trong thời gian chấp hành án là 27 (hai mươi bẩy) tháng, mỗi tháng là 450.000đ (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Giao bị cáo Nguyễn Tòng L cho Ủy ban nhân dân xã G T, huyện G V, tỉnh N B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G T, huyện G V, tỉnh N B trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Phạt tiền bổ sung **12.000.000 đ** (*mười hai triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn M 15 (*mười lăm*) tháng** Cải tạo không giam giữ, được trừ 18 ngày cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập của Trần Văn M trong thời gian chấp hành án, mỗi tháng là **340.000 đ (***ba trăm bốn mươi nghìn đồng*). Giao bị cáo Trần Văn M cho Ủy ban nhân dân xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Phạt tiền bổ sung **10.000.000 đ** (*mười triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Đức V 12 (*mười hai*) tháng** Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trần Đức V cho Ủy ban nhân dân xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã G Tr, huyện G V, tỉnh N B trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Trần Đức V.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **bị cáo Trần Văn Đ 25.000.000 (***hai mươi lăm triệu đồng*);
- Xử phạt **bị cáo Trần Quốc Ph 25.000.000 (***hai mươi lăm triệu đồng*);
- Xử phạt **bị cáo Trần Văn D 24.000.000 (***hai mươi tư triệu đồng*);
- Xử phạt **bị cáo Trần Thị V 24.000.000 (***hai mươi tư triệu đồng*);
- Xử phạt **bị cáo Trần Văn B 24.000.000 (***hai mươi tư triệu đồng*).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt **bị cáo Trần Văn Đ2 23.000.000đ** (*hai mươi ba triệu đồng*);
- Xử phạt **bị cáo Trần Văn Th 23.000.000đ** (*hai mươi ba triệu đồng*).

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn đường kính 02cm, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị cắt dở, 01 kéo sắt, 01 chiếu nan tre và 01 thảm vải là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc đã qua sử dụng thu của Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A01 màu đen đã qua sử dụng thu của M; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen thu đã qua sử dụng của B và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc đã qua sử dụng thu của Ph nhưng tiếp tục quản lý để Đ2 bảo thi hành án. (*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G V ngày 17/6/2021*)

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 12.530.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trả lại cho bị cáo Trần Văn M số tiền 1.500.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để Đ2 bảo thi hành án. (*Căn cứ theo ủy nhiệm chi ngày 08/6/2021)*

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo **Trần Văn Đ, Trần Quốc Ph, Trần Văn Đ2, Trần Văn D, Trần Văn M, Trần Văn Th, Nguyễn Tòng L, Trần Thị V và Trần Văn B**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo **Trần Đức V**.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N B;
- VKSND tỉnh NB
- Sở tư pháp tỉnh N B;
- VKSND huyện G V;
- Chi cục THADS huyện G V;
- Công an huyện G V;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; văn Ph;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Lã Hoàng G